

Họ, tên thí sinh:

Mã đề: 1353

Số báo danh:

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.**Câu 1:** Một tam giác vuông có cạnh huyền 41 và một cạnh góc vuông 9. Cạnh góc vuông còn lại bằng:

A. 46

B. 36

C. 34

D. 40

Câu 2: Phân tích đa thức $3x^2 + 18x$ thành nhân tử, ta được:A. $3(x^2 + 6x)$ B. $x(3x + 6)$ C. $3x(x + 18)$ D. $3x(x + 6)$ **Câu 3:** Giá trị của biểu thức $x^2 - 6$ tại $x = 7$ bằng:

A. 44

B. 52

C. 43

D. 48

Câu 4: Phân tích đa thức $xy + 5x + y + 5$ thành nhân tử, ta được:A. $(x + 1)(y + 1)$ B. $x(y + 5)$ C. $(x + 5)(y + 1)$ D. $(x + 1)(y + 5)$ **Câu 5:** Phân tích đa thức $x^3 - 64$ thành nhân tử, ta được:A. $(x - 4)(x^2 - 4x + 16)$ B. $(x - 4)(x^2 + 4x + 16)$ C. $(x - 4)^3$ D. $(x - 4)(x^2 + 16)$ **Câu 6:** Phân tích đa thức $xy + 6x + y + 6$ thành nhân tử, ta được:A. $(x + 6)(y + 1)$ B. $(x + 1)(y + 6)$ C. $x(y + 6)$ D. $(x + 1)(y + 1)$ **Câu 7:** Phân tích đa thức $x^2 - 16x + 64$ thành nhân tử, ta được:A. $(x + 8)^2$ B. $(x - 8)(x + 8)$ C. $x(x - 16)$ D. $(x - 8)^2$ **Câu 8:** Phân tích đa thức $xy + 4x + y + 4$ thành nhân tử, ta được:A. $(x + 1)(y + 4)$ B. $(x + 4)(y + 1)$ C. $(x + 1)(y + 1)$ D. $x(y + 4)$

Câu 9: Phân tích đa thức $x^2 - 12x + 36$ thành nhân tử, ta được:

A. $(x - 6)(x + 6)$

B. $(x + 6)^2$

C. $(x - 6)^2$

D. $x(x - 12)$

Câu 10: Giá trị của biểu thức $x^2 - 4$ tại $x = 6$ bằng:

A. 38

B. 40

C. 32

D. 25

Câu 11: Bậc của đa thức $7x^2y^2 - 4xy + 2$ là:

A. 4

B. 5

C. 7

D. 6

Câu 12: Phân tích đa thức $x^2 + 14x + 48$ thành nhân tử, ta được:

A. $(x - 6)(x - 8)$

B. $(x + 6)^2$

C. $(x + 6)(x + 8)$

D. $x(x + 14)$

PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 7. Câu 1–5: trả lời ngắn (ghi đáp số); câu 6–7: tự luận (trình bày lời giải).

Câu 1: Thu gọn $3x^2 + 6x^2$ ta được biểu thức có hệ số bằng: Trả lời:

Câu 2: Tích $2x^3 \cdot 5x^2$ có hệ số bằng: Trả lời:

Câu 3: Bậc của đơn thức $5x^2y^2$ là: Trả lời:

Câu 4: Tích $2x^3 \cdot 6x^2$ có hệ số bằng: Trả lời:

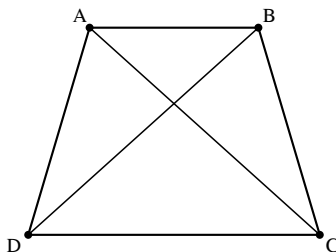
Câu 5: Giá trị của biểu thức $x^2 - 3$ tại $x = 3$ bằng: Trả lời:

Câu 6: Cho hình thang cân ABCD (AB // CD), có hai cạnh bên AD = BC và góc ADC = góc BCD.

a) Chứng minh tam giác ADC = tam giác BCD.

b) Chứng minh hai đường chéo AC = BD.

(Tự luận chứng minh — trình bày lời giải)



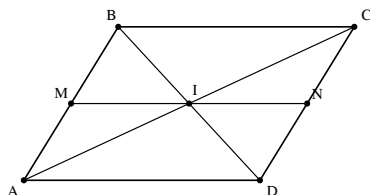
Câu 7: Cho hình bình hành ABCD. Gọi M là trung điểm của AB và N là trung điểm của CD .

a) Chứng minh tứ giác AMND là hình bình hành.

b) Chứng minh tứ giác AMCN là hình bình hành, từ đó suy ra $AN \parallel MC$.

c) Gọi I là giao điểm của AC và BD . Chứng minh ba điểm M, I, N thẳng hàng và I là trung điểm của MN .

(Tự luận chứng minh — trình bày lời giải)



----- HẾT -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;

- Giám thị không giải thích gì thêm.

**ĐÁP ÁN THAM KHẢO — Đề thi thử học kỳ 1 môn Toán lớp 8 (Nâng cao) —
Đề số 2**

Phần I. Trắc nghiệm 4 phương án

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	D	D	C	D	B	B	D	A	C	C	A	C

Phần II. Tự luận

Câu	1	2	3	4	5	6	7
Đáp án	9	10	4	12	6	(TL)	(TL)

** Lời giải chi tiết từng câu chỉ hiển thị sau khi mở khoá đáp án của đề (hoặc mua trọn bộ).*